

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC ĐỘ SẴN SÀNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI HÀ NỘI

Research on Factors Affecting the Readiness for Digital Transformation in Accounting Activities of Small and Medium Enterprises in Hanoi

Đỗ Thị Tuệ Minh¹, Linh Thị Huyền², Nguyễn Danh Nam^{2,*}

Tóm tắt:

Nghiên cứu nhằm tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội. Bằng phương pháp phân tích thống kê mô tả mẫu, kiểm định Cronbach's Alpha, nhân tố khám phá EFA, tương quan và hồi quy tuyến tính thông qua phần mềm SPSS26 với 258 mẫu khảo sát các nhà quản lý, kế toán trưởng và nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả cho thấy 5 nhân tố có ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán gồm: Yêu cầu số hóa trong kế toán; Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin; Nhận thức của ban quản lý; Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên; Văn hóa doanh nghiệp. Từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm góp phần nâng cao mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Từ khóa: Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, Công tác kế toán, Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hà Nội.

Abstract:

The study aims to find out the factors affecting the Readiness for Digital Transformation in Accounting Activities of Small and Medium Enterprises in Hanoi. By Descriptive Statistics analysis, Cronbach's Alpha test, exploratory factor analysis (EFA), correlation analysis, and linear regression through SPSS26 software with 258 samples surveyed from managers, chief accountants and accountants in Small and Medium

Enterprises in Hanoi. The results show that 5 factors affect the readiness for Digital Transformation in Accounting activities, including: Requirement of digitization in accounting; Modern level of information system; Management Awareness; Information technology capacity of accountants; Corporate culture. From there, some governance implications are given to contribute to improving the readiness for Digital Transformation in Accounting Activities of Small and Medium Enterprises.

Keywords: Readiness for Digital Transformation; Accounting Activities, Small and Medium Enterprises, Hanoi

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu mang đến cơ hội để các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực, lợi thế cạnh tranh, tăng tốc và phát triển bứt phá trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những thay đổi sâu sắc về công nghệ kỹ thuật số trong phương thức kinh doanh và nhu cầu thông tin tài chính đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng và duy trì được một bộ máy kế toán phù hợp. Năm 2022, chính phủ Việt Nam phê duyệt Chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030 nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường việc áp dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác kế toán, kiểm toán. Chính vì thế nhằm đáp ứng được những yêu cầu của chuyển đổi số, doanh nghiệp cần phải tổ chức công tác kế toán theo hướng số hóa, có sự thích ứng, linh hoạt với qui mô và điều kiện cụ thể bởi tổ chức công tác kế toán là một nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng, với chức năng cung cấp thông tin và kiểm tra các hoạt động kinh tế, tài chính ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả quản lý trong doanh nghiệp. Thay vì thu thập và trình bày trên văn bản giấy tờ như truyền thống, áp dụng các công nghệ như dữ liệu lớn, điện toán đám mây giúp quy trình kế toán được đồng bộ hóa, thực hiện theo thời gian thực và bảo mật hơn,

Article history:

Received: 02/8/2024

Accepted: 20/9/2024

Published: 30/9/2024

Authors' affiliations:

¹ Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

² Trường Đại học Thành Đông, Hải Dương, Việt Nam

* Địa chỉ e-mail tác giả liên hệ: namnd@thanhdong.edu.vn

* Số điện thoại tác giả liên hệ: +84 972366763

tổ chức kế toán trở nên linh hoạt, báo cáo tài chính cung cấp nhiều thông tin có giá trị và làm thay đổi đáng kể vai trò của kế toán. Tuy nhiên, mức độ nắm bắt, nhận biết của người lao động với công tác chuyển đổi số trong kế toán tại doanh nghiệp Việt Nam phần lớn chỉ dừng lại ở mức nghe qua, biết sơ vắn cần nhiều sự quan tâm, đầu tư [1].

Doanh nghiệp nhỏ và vừa giữ một vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia [2], tại Việt Nam đặc biệt là thành phố Hà Nội số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ trọng lớn khoảng 97,2% trong tổng số doanh nghiệp, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế. Việc các doanh nghiệp này chấp nhận thay đổi, sẵn sàng đầu tư cho hoạt động chuyển đổi số trong công tác kế toán sẽ mang đến nhiều lợi ích nhưng cũng là mối thách thức mới, chuyển đổi số đi kèm với sự tự động hóa các hoạt động, quy trình kinh doanh sẽ đe dọa đến an toàn chất lượng thông tin kế toán nếu không thiết kế quy trình một cách đồng bộ và chặt chẽ, ngoài ra người làm kế toán phải đối mặt với những thách thức như làm việc với các loại dữ liệu khác nhau đòi hỏi họ cần có khả năng tích hợp dữ liệu từ các bộ phận trong doanh nghiệp hay những năng lực mới như quản lý dữ liệu, phân tích, trực quan hóa dữ liệu và đặc biệt là thích ứng với công nghệ. Trước thực trạng đó nhóm tác giả mong muốn tìm hiểu và nghiên cứu *“các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội”* từ đó đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm góp phần nâng cao mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

A. Chuyển đổi số trong công tác kế toán

Chuyển đổi số là sự kết hợp những phát triển công nghệ vào các mô hình, quy trình, năng lực và mô hình kinh doanh theo cách thức đẩy chúng để mang lại hiệu quả cao [3], đó là quá trình thay đổi phương pháp và mô hình hiện có bằng cách áp dụng công nghệ thông tin mới nhất để tạo ra thông tin theo thời gian thực nhằm đưa ra quyết định nhanh chóng [4]. Tổ chức công tác kế toán là một hệ thống các phương pháp cách thức phối hợp sử dụng phương tiện và kỹ thuật cũng như nguồn lực của bộ máy kế toán thể hiện chức năng và nhiệm

vụ của kế toán đó là: phản ánh, đo lường, giám sát và thông tin bằng số liệu một cách trung thực, chính xác, kịp thời đối tượng kế toán trong mối liên hệ mật thiết với các lĩnh vực quản lý khác, nội dung bao gồm: Tổ chức vận dụng chế độ chứng từ kế toán, chế độ tài khoản kế toán, hệ thống sổ kế toán phù hợp, công tác lập Báo cáo tài chính, kiểm kê tài sản, kiểm tra kế toán [5].

Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán thường liên quan đến quá trình tạo, trình bày và truyền thông tin tài chính dưới dạng điện tử. Chuyển đổi số trong công tác kế toán không chỉ đơn thuần là sử dụng phần mềm kế toán mà còn là sự thay đổi các hoạt động thường ngày trong bộ phận kế toán thông qua ứng dụng công nghệ số [6]. Quy trình làm việc tự động, thu thập và xử lý dữ liệu thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) giúp giảm đáng kể khối lượng công việc của kế toán viên [7]; Việc ứng dụng công nghệ Big Data giúp thông tin kế toán cung cấp khách quan, kịp thời hơn, có giá trị và đa chiều hơn; Nhiệm vụ kế toán có thể được thực hiện ở bất cứ đâu, việc bảo mật dữ liệu khách hàng và theo dõi nhà cung cấp có thể được thực hiện dễ dàng thông qua ứng dụng điện toán đám mây; Internet of Things (IoT) giúp quá trình kế toán được thực hiện theo thời gian thực, dữ liệu kế toán được kết nối với nhau đảm bảo tính chính xác; Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ Blockchain thông qua việc sử dụng sổ cái phân tán, các giao dịch được thực hiện an toàn và tin cậy.

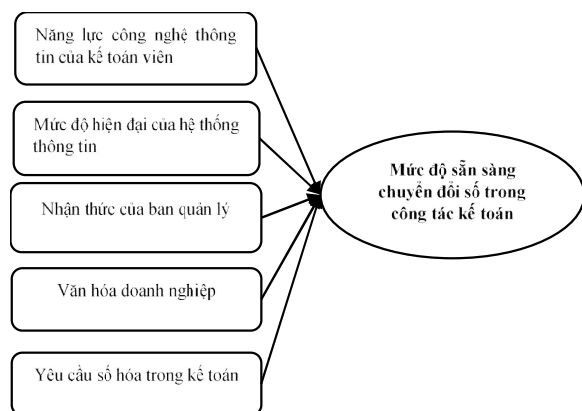
Chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán mang lại 2 lợi ích quan trọng: thay đổi cách làm việc để trở nên hiệu quả hơn và thay thế một số công việc kế toán bằng các ứng dụng phần mềm như phần mềm kế toán và hóa đơn điện tử giúp kế toán viên giành thêm thời gian để thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi chuyên môn cao hơn và tập trung vào việc nâng cao kỹ năng và chuyên môn [1]. Tiết kiệm chi phí trong quá trình xử lý các thông tin kế toán, tăng thời gian lưu trữ và bảo quản tốt chứng từ, giảm thiểu các sai sót gia tăng hiệu quả công việc, tăng tính đồng bộ thông tin, xử lý được lượng lớn các giao dịch một cách nhanh chóng, tức thì nhưng vẫn đạt được chất lượng và tính minh bạch của thông tin kế toán.

Như vậy Chuyển đổi số trong công tác kế toán có thể định nghĩa là việc ứng dụng những tiến bộ của công nghệ thông tin và công nghệ số vào các công tác kế toán, nhằm tối thiểu chi phí và tối đa hóa hiệu quả của công tác kế toán [8], [9].

B. Tổng quan nghiên cứu

Một số công trình nghiên cứu về chuyển đổi số trong công tác kế toán như:

Nghiên cứu của Hoàng Thu Hiền và Nguyễn Thị Thu Hằng [5] về các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp trong thời kỳ chuyển đổi số thông qua 286 mẫu khảo sát nhân viên kế toán, kế toán trưởng, ban giám đốc các doanh nghiệp của Việt Nam thuộc các lĩnh vực đã đưa ra 7 yếu tố có tác động đến việc chuyển đổi số trong tổ chức công tác kế toán gồm: Trình độ nhân sự kế toán; Nhu cầu sử dụng thông tin; Hệ thống kiểm soát nội bộ; Quy mô doanh nghiệp; Quy định pháp lý; Sự tham gia của các nhà quản trị; Yêu cầu số hóa trong kế toán. Qua đó tác giả đề xuất các khuyến nghị để tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính khoa học và hợp lý.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất.
(Nguồn: Nhóm tác giả)

Nghiên cứu của Nguyễn Thúy Hằng [8] về các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán xét trong bối cảnh của cách mạng công nghiệp 4.0 với mục tiêu của Chương trình Chuyển đổi số quốc gia tác giả đã đưa ra 5 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán là Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên; Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin; Nhận thức của ban quản lý; Văn hóa doanh nghiệp; Lĩnh vực hoạt động.

Nghiên cứu của Cù Thị Minh Hằng và Nguyễn Thị Phương Mai [9] đã đưa ra 4 nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp tại Hà Nội bao gồm: Lĩnh vực hoạt động, Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin, Năng lực công nghệ thông tin của

kế toán viên và Nhận thức của Ban quản lý. Đồng thời đưa ra một số đề xuất, khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

Nghiên cứu của Phan Thị Thu Mai [7] về Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp chế biến gỗ ở Bắc Ninh cho thấy có 3 yếu tố có tác động tích cực đến chuyển đổi số trong tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp này gồm: Nhận thức của người quản lý, tính hiện đại của hệ thống thông tin và năng lực của đội ngũ nhân viên kế toán qua đó tác giả cũng đưa ra một số khuyến nghị nâng cao mức độ sẵn sàng cho chuyển đổi số ở doanh nghiệp chế biến gỗ tỉnh Bắc Ninh.

C. Giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Qua việc lược khảo các tài liệu kết hợp với khảo sát thực tế, lấy ý kiến từ một số lãnh đạo, kế toán trưởng, nhân viên kế toán và trao đổi với chuyên gia nhằm đảm bảo sự phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh nghiên cứu, nhóm tác giả tổng hợp và đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội: Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên; Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin; Nhận thức của ban quản lý; Văn hóa doanh nghiệp; Yêu cầu số hóa trong kế toán.

Với 5 giả thuyết nghiên cứu đặt ra gồm:

H1: Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

H2: Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

H3: Nhận thức của ban quản lý có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

H4: Văn hóa doanh nghiệp có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

H5: Yêu cầu số hóa trong kế toán có ảnh hưởng tích cực đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

Tổng hợp các giả thuyết trên, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:

Mô hình nghiên cứu được xác định dưới dạng phương trình:

$$CDSKT = \beta_0 + \beta_1 \times NL + \beta_2 \times HT + \beta_3 \times QL + \beta_4 \times VH + \beta_5 \times YC + \varepsilon$$

Trong đó:

CDSKT (biến phụ thuộc): Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán.

Các biến độc lập bao gồm (X_i): Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên (NL); Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin (HT); Nhận thức của ban quản lý (QL); Văn hóa doanh nghiệp (VH); Yêu cầu số hóa trong kế toán (YC).

β_k : Hệ số hồi quy ($k = 0, 1, 2, \dots, 5$).

ε : Phần dư.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thang đo sơ bộ của nghiên cứu được chọn lọc từ các nghiên cứu trong nước có liên quan đến chuyển đổi số trong công tác kế toán như: Cù Thị Minh Hằng và Nguyễn Thị Phương Mai [9]; Phan Thị Thu Mai [7]; Hoàng Thu Hiền và Nguyễn Thị Thu Hằng [5] bao gồm 26 biến quan sát với 5 yếu tố độc lập và 1 yếu tố phụ thuộc. Đồng thời để thang đo sơ bộ đáp ứng với yêu cầu của thực tế và phù hợp với mục đích nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành thảo luận nhóm và phỏng vấn với chuyên gia để xem xét các yếu tố tác động, mối quan hệ giữa các yếu tố, đồng thời hiệu chỉnh lại các biến quan sát trong thang đo sơ bộ. Cuộc trao đổi được ghi âm để thực hiện phân tích và xây dựng thang đo chính thức, kết quả cho thấy các thành viên tham gia đều tán thành với các yếu tố và thang đo sơ bộ trong mô hình nghiên cứu đề xuất, tuy nhiên nhóm tác giả đã thay đổi một số từ ngữ để câu hỏi trở nên đơn giản và dễ hiểu.

Các câu hỏi được đo lường bằng thang đo Likert 5 bậc (1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý). Cỡ mẫu được lựa chọn theo tỷ tốt nhất là 10:1 (Hair và cộng sự, 2010) do đó số mẫu cần thiết trong nghiên cứu là $26 \times 10 = 260$, tương ứng với số phiếu phát ra. Với phương pháp khảo sát phi xác suất thuận tiện thông qua hình thức phát phiếu trực tiếp kết hợp gửi mail tới các nhà quản lý, kế toán trưởng và nhân viên kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội trong khoảng thời gian từ 12/2023 tới 05/2024. Kết quả thu về được 258 phiếu hợp lệ, dữ liệu được làm sạch, mã hóa và phân tích bằng phần mềm SPSS26.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua tổng số phiếu thu về, kết quả thống kê mẫu

cho thấy: Phần lớn đối tượng khảo sát là nhân viên kế toán chiếm 46,12%, kế toán trưởng chiếm 37,98% còn lại là Giám đốc với 15,9%. Trong tổng số mẫu khảo sát có 153 doanh nghiệp là công ty TNHH chiếm 59,3%, 72 doanh nghiệp là công ty Cổ phần chiếm 27,9% và 33 doanh nghiệp tư nhân chiếm 12,8%. Về lĩnh vực kinh doanh đa số các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ chiếm 71,7%, các doanh nghiệp sản xuất chiếm 22% còn lại 6,3% là doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác.

Kết quả thống kê mô tả các biến trung bình câu trả lời của đối tượng khảo sát cho thấy mức độ đồng ý đều trên mức trung gian 3 cho thấy rằng các ứng viên khảo sát đang đồng ý với quan điểm của nhóm tác giả.

Kết quả phân tích tại Bảng 1 cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của các nhân tố đều lớn hơn 0,7 bên cạnh đó, hệ số tương quan biến tổng của từng biến quan sát của mỗi nhân tố đều lớn hơn 0,3. Như vậy kết quả phân tích cho thấy mỗi biến quan sát đều có sự đóng góp trong việc xây dựng mức độ tin cậy của thang đo tốt và không có biến nào cần loại bỏ, các biến đều đủ điều kiện để đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA (Hair và cộng sự, 2010).

Kết quả phân tích nhân tố khám phá các biến độc lập cho thấy hệ số KMO bằng 0,817 đạt yêu cầu (lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1); thống kê Chi-square của kiểm định Bartlett Test đạt mức giá trị 10532,009 với mức ý nghĩa 0,000 (nhỏ hơn 0,05). Tại mức giá trị Eigenvalue bằng 1,614 (lớn hơn 1); phân tích nhân tố đã trích ra được 4 nhân tố với tổng phương sai trích đạt 75,481% (lớn hơn 50%). Bốn nhân tố này giải thích được 75,481% sự biến thiên của dữ liệu. Hệ số tải của các biến quan sát đều lớn hơn 0,5 do đó các dữ liệu đưa vào phân tích nhân tố khám phá hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu (Hair và cộng sự, 2010).

Bảng 1. Kết quả phân tích biến độc lập

Biến quan sát		Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên		Cronbach's Alpha = 0,812	
NL1	Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán	0,476	0,805
NL3	Có đủ kiến thức và năng lực học tập, đổi mới nâng cao khả năng công nghệ thông tin	0,523	0,795
NL2	Được đào tạo, học tập thường xuyên để nâng cao năng lực công nghệ thông tin	0,508	0,787
NL4	Có khả năng cập nhật công nghệ và ứng dụng công nghệ trong công tác kế toán	0,469	0,732
Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin		Cronbach's Alpha = 0,884	
HT2	Trang bị hệ thống máy tính và hệ thống mạng Internet đầy đủ	0,511	0,863
HT1	Có đủ nhân viên chuyên phụ trách về công nghệ thông tin	0,538	0,854
HT5	Phần mềm có thể kết nối thông tin giữa các phòng ban	0,497	0,809
HT3	Hệ thống công nghệ thông tin dễ dàng tích hợp với những công nghệ mới	0,546	0,788
HT4	Định kỳ kiểm tra và nâng cấp hệ thống thông tin	0,528	0,781
Nhận thức của ban quản lý		Cronbach's Alpha = 0,796	
QL2	Có nhận thức rõ ràng về lợi ích và tác động của chuyển đổi số trong công tác kế toán	0,443	0,785
QL1	Nhận thức rõ về các rủi ro trong an toàn thông tin, an ninh mạng khi chuyển đổi số	0,471	0,767
QL3	Đưa chuyển đổi số trong công tác kế toán vào định hướng chiến lược, mục tiêu phát triển của doanh nghiệp	0,502	0,759
QL4	Có kế hoạch tuyển dụng nhân lực kế toán chất lượng tốt đáp ứng chuyển đổi số	0,462	0,743
Văn hóa doanh nghiệp		Cronbach's Alpha = 0,788	
VH3	Nhân viên của doanh nghiệp có khả năng tiếp nhận các thay đổi chuyển đổi số tích cực và kịp thời	0,403	0,781
VH1	Doanh nghiệp có các chính sách (truyền thông, đào tạo) để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm	0,451	0,776
VH2	Nhân viên của doanh nghiệp sẵn sàng giúp đỡ nhau, chia sẻ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để đáp ứng với yêu cầu chuyển đổi số	0,462	0,762
VH4	Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp linh hoạt, dễ dàng chuyển đổi	0,415	0,750
VH5	Doanh nghiệp có môi trường văn hóa làm việc tiến bộ, dễ dàng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	0,411	0,749
Yêu cầu số hóa trong kế toán		Cronbach's Alpha = 0,852	
YC1	Việc số hóa các chứng từ kế toán là cần thiết phục vụ quá trình luân chuyển và sử dụng chứng từ kế toán thuận tiện hơn	0,510	0,841
YC2	Số hóa trong công tác kế toán giúp quá trình tổ chức ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin kế toán tại doanh nghiệp nhanh chóng, chính xác, kịp thời, thuận tiện và dễ dàng hơn	0,442	0,827
YC4	Hoạt động mạng nội bộ phòng kế toán tại doanh nghiệp sẽ giúp chia sẻ thông tin nội bộ hiệu quả hơn	0,416	0,820
YC3	Việc trang bị phần mềm kế toán sẽ mang lại lợi ích cho tổ chức trong công tác kế toán doanh nghiệp	0,517	0,811
YC5	Phần cứng được trang bị đầy đủ giúp công tác tổ chức kế toán tại doanh nghiệp đạt hiệu quả cao	0,482	0,809

Hệ số KMO = 0,817		
Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	10532,009
	df	316
	Sig.	0,000
Tổng phương sai trích		75,481%

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Bảng 2. Kết quả phân tích biến phụ thuộc

Biến quan sát		Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán		Cronbach's Alpha = 0,821	
CDSKT1	Ban quản lý và kế toán viên đã sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp	0,550	0,816
CDSKT2	Doanh nghiệp đã có kế hoạch đầu tư hệ thống thông tin hướng đến chuyển đổi số trong công tác kế toán	0,486	0,805
CDSKT3	Văn hóa doanh nghiệp và các yêu cầu số hóa trong kế toán thúc đẩy sự sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán	0,507	0,798
Hệ số KMO = 0,835			
Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	310,521	
	df	3	
	Sig.	0,000	
Tổng phương sai trích		76,901%	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Kết quả phân tích nhân tố thang đo biến phụ thuộc Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán tại Bảng 2 cho thấy hệ số Cronbach's

Alpha, hệ số tải nhân tố và hệ số KMO đều đạt yêu cầu (lớn hơn 0,5 và nhỏ hơn 1). Thống kê Chi-square của kiểm định Bartlett Test đạt giá trị

310,521 với Sig. là 0,000 (nhỏ hơn 0,05), hệ số Eigenvalue = 1,824 (lớn 1), tổng phương sai trích bằng 76,901% (lớn hơn 50%). Như vậy, dữ liệu thu về đối với thang đo đạt yêu cầu đặt ra (Hair và cộng sự, 2010).

Bảng 3. kết quả phân tích hệ số tương quan pearson

Nhân tố		CDSKT	NL	HT	QL	VH	YC
CDSKT	Hệ số tương quan Pearson	1					
	Sig. (2-tailed)						
NL	Hệ số tương quan Pearson	0,398	1				
	Sig. (2-tailed)	0,000					
HT	Hệ số tương quan Pearson	0,365	0,206	1			
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,002				
QL	Hệ số tương quan Pearson	0,327	0,197	0,300	1		
	Sig. (2-tailed)	0,001	0,000	0,000			
VH	Hệ số tương quan Pearson	0,201	0,233	0,178	0,257	1	
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	0,003		
YC	Hệ số tương quan Pearson	0,280	0,186	0,202	0,196	0,188	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,002	0,000	0,000	0,001	0,005
		258	258	258	258	258	258

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Qua kết quả phân tích hệ số tương quan tại bảng 3 có thể thấy 5 biến độc lập đều có tương quan với biến phụ thuộc với hệ số sig. đều nhỏ hơn 0,05. Trong đó, tương quan mạnh nhất là yếu tố NL (0,398), tiếp theo là yếu tố HT (0,365), QL (0,327), YC (0,280) và VH (0,201) là nhân tố có mối tương quan yếu nhất. Các mối tương quan đều có ý nghĩa thống kê ở độ tin cậy 99%. Do đó,

các biến độc lập này đủ điều kiện đưa vào mô hình để giải thích cho biến phụ thuộc Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán. Đồng thời, kiểm định Pearson cho thấy giữa các biến độc lập tương quan với nhau đều thỏa mãn điều kiện để đưa vào phân tích hồi quy và không xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hoá		Hệ số hồi quy chuẩn hoá	Hệ số t	Hệ số Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		Hệ số Beta	Độ lệch chuẩn	Hệ số Beta			Dung sai điều chỉnh	VIF
1	(Hằng số)	2,102	0,362		1,068	0,000		
	NL	0,294	0,054	0,303	3,530	0,001	0,657	1,341
	HT	0,362	0,110	0,381	1,649	0,000	0,742	1,582
	QL	0,307	0,089	0,319	3,205	0,000	0,676	1,604
	VH	0,216	0,113	0,257	2,228	0,001	0,773	1,817
	YC	0,410	0,120	0,435	2,152	0,001	0,695	1,858

a. Biến phụ thuộc: CDSKT

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của nhóm tác giả)

Kết quả phân tích hồi quy theo phương pháp Enter tại bảng 4 cho thấy mô hình nghiên cứu phù hợp với mức ý nghĩa Sig. < 0,05. Hệ số R² = 0,736 và hệ số R² hiệu chỉnh = 0,755; cho thấy rằng 75,5% giá trị biến thiên được giải thích bởi 5 nhân tố độc lập. Bên cạnh đó, kết quả phân tích ANOVA và kiểm định F cũng cho thấy trị số thống kê được tính từ R² có giá trị Sig = 0.000 và tổng bình phương hồi quy 70,132 lớn hơn tổng bình phương phần dư cho thấy mô hình giải thích hầu hết các các phương sai của biến phụ thuộc, giá trị Durbin–Watson cho kết quả không vi phạm giả định tự tương quan chuỗi bậc nhất. Như vậy, 5 biến độc lập đều có quan hệ với biến phụ thuộc và mô hình hồi quy tuyến tính là phù hợp và dữ liệu

phù hợp cho nghiên cứu. Ngoài ra để kiểm tra tính hợp lý của kết quả phân tích hồi quy thông qua biểu đồ thể hiện tần số phân phối chuẩn của phần dư (Histogram) giá trị Mean = 1,05E-16 với độ lệch chuẩn là 0,985 xấp xỉ 1 và biểu đồ Scatter Plot cho kết quả kiểm tra giả định liên hệ tuyến tính với phần dư chuẩn hóa phân bố tập trung xung quanh đường tung độ 0, do vậy giả định quan hệ tuyến tính không bị vi phạm.

Từ các kết quả trên, phương trình hồi quy theo hệ số Beta chuẩn hóa như sau:

$$CDSKT= 2,102 + 0,435 \times YC + 0,381 \times HT + 0,319 \times QL + 0,303 \times NL + 0,257 \times VH$$

Phương trình cho thấy 5 yếu tố độc lập đều có

ảnh hưởng chiều dương đến Mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán theo thứ tự giảm dần: Yêu cầu số hóa trong kế toán; Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin; Nhận thức của ban quản lý; Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên; Văn hóa doanh nghiệp.

Kết quả này cho thấy có sự tương đồng với các nghiên cứu của Cù Thị Minh Hằng và Nguyễn Thị Phương Mai [9]; Phan Thị Thu Mai [7]; Nguyễn Thúy Hằng [8]; Hoàng Thu Hiền và Nguyễn Thị Thu Hằng [5], tuy nhiên nghiên cứu có sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng và thứ tự ảnh hưởng của 5 yếu tố bởi nghiên cứu được xem xét trong hoàn cảnh và đối tượng nghiên cứu khác nhau.

I. HÀM Ý QUẢN TRỊ

Một là, Yêu cầu số hóa trong kế toán: các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nắm bắt và thay đổi kịp thời để thích ứng với công nghệ mới, xây dựng kho cơ sở dữ liệu kế toán số trong giai đoạn đầu để phục vụ yêu cầu về thông tin, tích hợp sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ mới nhằm tối ưu hóa việc sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, tìm kiếm và phát triển các giải pháp an toàn thông tin và bảo mật thông tin. Ngoài ra các cơ quan, nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi số trong công tác kế toán, có các quy định chặt chẽ trong việc số hóa dữ liệu về thuế phải nộp, các loại tờ khai và chứng từ số đính kèm.

Hai là, Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin: các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần có kế hoạch đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng chú trọng vào các phần mềm kế toán, chương trình quản lý, thiết bị công nghệ tiên tiến. Tìm hiểu và tiếp cận các ứng dụng công nghệ phổ biến trong kế toán hiện nay như Công nghệ điện toán đám mây, Blockchain, ERP, Big Data, XBRL... để xem xét sự phù hợp của các loại công nghệ này với công tác kế toán tại doanh nghiệp từ đó triển khai và áp dụng.

Ba là, Nhận thức của ban quản lý: ban quản lý giữ một vai trò quan trọng là người đứng đầu, chỉ đạo và đưa ra phương hướng cho doanh nghiệp do đó cần chú trọng, quan tâm, nâng cao hiểu biết về chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp, vạch ra các chiến lược cụ thể để nghiêm túc triển khai, thực hiện. Đồng thời có mục tiêu tuyển dụng và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực của doanh nghiệp đáp ứng kịp

thời yêu cầu chuyển đổi số trong công tác kế toán.

Bốn là, Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên: các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần đặc biệt quan tâm tới việc nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho kế toán viên, thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức tin học, cập nhật các quy định, chính sách, chế độ mới tiếp cận với các phần mềm, thiết bị công nghệ mới, tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức tự học tập, tìm hiểu về công nghệ số cho nhân viên kế toán.

Năm là, Văn hóa doanh nghiệp: khi văn hóa của doanh nghiệp tốt, năng động, sáng tạo, dễ tiếp cận công nghệ mới sẽ có những ảnh hưởng tích cực về mặt tinh thần đối với các kế toán viên từ đó nâng cao mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp do đó doanh nghiệp cần xây dựng môi trường văn hóa làm việc tích cực, cởi mở, linh hoạt, dễ học tập và thay đổi, có quan hệ lao động hài hòa, lành mạnh, khen thưởng, kỷ luật kịp thời và có chế độ đãi ngộ phù hợp.

II. KẾT LUẬN

Dựa vào các nghiên cứu liên quan trước đây kết hợp với quá trình thu thập, phân tích số liệu khảo sát kết quả cho thấy 5 yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội gồm Yêu cầu số hóa trong kế toán; Mức độ hiện đại của hệ thống thông tin; Nhận thức của ban quản lý; Năng lực công nghệ thông tin của kế toán viên; Văn hóa doanh nghiệp. Nghiên cứu mang lại ý nghĩa quan trọng nhằm đề ra một số hàm ý quản trị khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao sự sẵn sàng thực hiện chuyển đổi số trong công tác kế toán phù hợp với thực tiễn về xu thế chuyển đổi số hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Đức Xuân và cộng sự (2024), “Chuyển đổi số trong kế toán của doanh nghiệp tại Việt Nam”. *Tạp chí Công thương, Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 26 tháng 12 năm 2023

Link: <https://tapchicongthuong.vn/chuyen-doi-so-trong-ke-toan-cua-doanh-nghiep-tai-viet-nam-116528.htm>

- [2] Sajjan, M.P., Shalij, P.R., Ramesh, A., & Biju, A.P. (2017), “Lean manufacturing practices in Indian manufacturing SMEs and their effect on sustainability performance,” *Journal of Manufacturing Technology Management*, 28(6), 772-793.
- [3] Sabuncu, B. (2022), “The effects of digital transformation on the accounting profession,” *Ömer Halisdemir Üniversitesi İktisadi ve İdari Bilimler Fakültesi Dergisi*, Vol. 15 No. 1, pp.103.
- [4] Zeltser, R., Bielenkova, O., Novak, E., & Dubinin, D. (2019), “Digital transformation of resource logistics and organizational and structural support of construction,” *Science and innovation*, 15(5), 38-51.
- [5] Hoàng Thu Hiền, Nguyễn Thị Thu Hằng (2021), “Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp thời kỳ chuyển đổi số”. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia về Kế toán và Kiểm toán – VCAA 2021*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- [6] Troshani, I., Locke, J., & Rowbottom, N. (2019), “Transformation of accounting through digital standardisation: Tracing the construction of the IFRS taxonomy. Accounting,” *Auditing Accountability Journal*, 32(1), p. 133.
- [7] Phan Thị Thu Mai (2024), “Factors Affecting the Level of Digital Transformation Readiness in the Organization of Accounting at Wood Processing Enterprises in Bac Ninh,” *International Journal of Advanced Multidisciplinary Research and Studies*, 2024; 4(2):1097-1101.
- [8] Nguyễn Thúy Hằng (2023), “Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán,” *Tạp chí Công thương, Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 2 tháng 1 năm 2023.
Link: <https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-anh-huong-den-muc-do-san-sang-chuyen-doi-so-trong-cong-tac-ke-toan-103181.htm>
- [9] Cù Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Phương Mai (2023), “Nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán của doanh nghiệp tại Hà Nội,” *FTU Working Paper Series*, Vol. 1 No. 3 (05/2023).